

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Minh Phượng

bà Phan Thị Thuận Nhi

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 168/2025/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Ngữ Vy Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: K, đường Ô, phường H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Dang Khanh B, sinh năm 1974, Địa chỉ: I E, G, CA I, Hoa Kỳ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 13 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Ngũ Vũ Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Ngũ Vũ Đ và ông Dang Khanh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2019. Thời gian đầu mới kết hôn, ông B thỉnh thoảng về Việt Nam thăm vợ. Tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống nên hai người quyết định chia tay vào năm 2022, kể từ đó đến nay không còn liên lạc gì với nhau. Bà Vũ Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dang Khanh B.

- Về quan hệ con chung: bà Trần Ngũ Vũ Đ xác định bà và ông Dang Khanh B không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà Trần Ngũ Vũ Đ xác định bà và ông Dang Khanh B không có tài sản chung hay khoản nợ chung nào.

Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết không thông qua thủ tục hòa giải, và đề nghị Tòa án xét xử vụ án mà vắng mặt bà.

** Bị đơn ông Dang Khanh B được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời thông báo thời gian mở phiên tòa trên kênh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5) nhưng cho đến nay phía ông Dang Khanh B không có mặt, không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Ngũ Vũ Đ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 56, 127, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn*” của bà Trần Ngũ Vũ Đ đối với ông Dang Khanh B.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Ngữ Vũ Đ có nơi thường trú tại K, đường Ô, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam) và bị đơn ông Dang Khanh B có địa chỉ tại I E, G, CA I, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Trần Ngữ Vũ Đ đối với ông Dang Khanh B, theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành lập hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đối với ông Dang Khanh B. Ngày 09/10/2025, Bộ Tư pháp đã có Công hàm số: 2973/CH-BTP gửi Công ty A (Hoa Kỳ) hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với ông Dang Khanh B. Tại công văn số 364/BTP-PLQT ngày 27/01/2026 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp đối với đương sự Dang Khanh B, theo đó, cơ quan có thẩm quyền của H chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp đối với đương sự nêu trên do đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu.

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án, đăng tin lên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố, đồng thời có Công văn số 880/CV-TA ngày 25/8/2025 gửi Ban Đối ngoại - Đ1 về việc đề nghị thông báo thời gian mở phiên tòa cho ông Dang K Brian bằng tiếng Anh ba lần trong ba ngày liên tiếp (vào các ngày 26-28/8/2025).

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất vụ án hôn nhân gia đình vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/9/2025 và mở lại phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13/01/2026 nhưng ông Dang Khanh B không có mặt, bà Trần Ngữ Vũ Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên

tòa sơ thẩm hôm nay, ông Dang Khanh B vẫn không có mặt, không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Ngũ Vũ Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Dang Khanh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Ngũ Vũ Đ và ông Dang Khanh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019 ngày 24/6/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà Vũ Đ, sau khi kết hôn, ông B thỉnh thoảng về Việt Nam thăm vợ. Tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống nên hai người quyết định chia tay vào năm 2022, kể từ đó đến nay không còn liên lạc gì với nhau. Bà Vũ Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dang Khanh B.

Xét thấy, hiện nay bà Trần Ngũ Vũ Đ và ông Dang Khanh B mỗi người sống mỗi nơi, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn ông Dang Khanh B đến nay vẫn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngũ Vũ Đ, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Đ đối với ông Dang Khanh B, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà Trần Ngũ Vũ Đ xác định không có, ông Dang K Brian vắng mặt, không có lời khai về con chung, tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Trần Ngũ Vũ Đ đối với ông Dang Khanh B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Ngũ Vũ Đ được ly hôn với ông Dang Khanh B.

2. Về con chung, tài sản chung, khoản nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu 300.000 đồng (*bằng chữ: ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*bằng chữ: ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003990 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Vũ Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

- Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài: bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu là 95 USD (*bằng chữ: chín mươi lăm đô-la Mỹ*) tương đương số tiền 2.488.050 đồng (*bằng chữ: hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng*), bà Vũ Đ đã nộp đủ theo Chứng từ giao dịch số 06020066000000007 ngày 02/6/2025 tại Ngân hàng A1 - Chi nhánh B1.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp (hồ sơ ủy thác tổng đạt): bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (*bằng chữ: hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004091 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Ngũ Vũ Đ đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: bà Trần Ngũ Vũ Đ phải chịu 1.400.000 đồng (*bằng chữ: một triệu bốn trăm nghìn đồng*) phí dịch thuật theo Biên lai dịch thuật số: 003954 ngày 18/6/2025; 004002 ngày 25/6/2025; 004301 ngày 28/8/2025 của Công ty TNHH T. Bà Trần Ngũ Vũ Đ đã nộp đủ phí dịch thuật và chứng thực.

6. Về chi phí thông báo cho đương sự qua kênh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5): căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Ngữ Vy Đ phải chịu 2.750.000 đồng (*bằng chữ: hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Vy Đ đã nộp đủ theo phiếu thu số 168.08/2025 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ban Đối ngoại - Đ1.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Ngữ Vy Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày; bị đơn ông Dang Khanh B có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Vinh